TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 10 tháng 05 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH T

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Đặng Xuân Hoàng

Thư ký phiên họp: Bà Dương Thị Hoài Thanh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh T tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Thăng Long- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2023/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2023 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 04 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*1. Người yêu cầu thứ nhất***:** (chị) Nguyễn Thị Chi

Sinh ngày 01 tháng 12 năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện K, tỉnh T

Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt

2. Người yêu cầu thứ hai: (Anh) Trần Hữu C2

Sinh ngày: 22 tháng 12 năm 1972

Địa chỉ: Tổ dân phố T2, thị trấn N, huyện B, tỉnh Q.

Vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, đơn trình bày ý kiến và xin vắng mặt tại phiên họp, chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2 thống nhất trình bày như sau:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đọc tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 01 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ P, huyện K, tỉnh T. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng đến năm 2015 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, sau đó vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tính đến nay, vợ chồng đã sống xa cách nhiều năm, mỗi người có suy nghĩ và lối sống riêng. Cả chị C và anh C2 đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung

Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án phân chia

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh T phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ việc và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người yêu cầu đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh T đề nghị Tòa án căn cứ vào các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình, các điều 149, 361, 367, 369, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35, 37 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2; chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000; về lệ phí việc dân sự: Chấp nhận sự thỏa thuận chị Nguyễn Thị C chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Nguyễn Thị C cư trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện K, tỉnh T, anh Trần Hữu C2 cư trú tại: Tổ dân phố T2, thị trấn N, huyện B, tỉnh Q. Chị C và anh C2 thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T giải quyết. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b, khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T.

Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2 có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình vắng mặt chị C và anh C2.

[2] *Về nội dung*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu chị C và anh C2 cung cấp cho Tòa án thể hiện vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 18 tháng 01 năm 2012 tại UBND xã Kỳ P , huyện K, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân giữ chị C và anh C2là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được khoảng 3 năm thì mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết cùng với thời gian dài sống xa cách, mỗi người có cuộc sống riêng dẫn đến tình cảm phai nhạt, vợ chồng không thể đoàn tụ.

Từ yêu cầu của chị C và anh C2, và căn cứ quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xét thấy mâu thuận giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2 đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đíhc hôn nhân không đạt được và sự thỏa thuận của hai người là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Do đó, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2.

[2. 2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2 không có con chung.

[2. 3]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2 thỏa thuận chị C là người chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự, vì vậy, chị Nguyễn Thị C phải toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

[4]. Về quyền kháng cáo: Theo quy định tại Điều 371, Quyết định giải quyết việc hôn nhân gia đình về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình,

- Khoản 2 Điều 29, điểm b, khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, 361, 367, 369, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 35, 37 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Trần Hữu C2

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005397 ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu: Chị C, anh C;
- VKS ND huyện K, tỉnh T;
- VKS ND tỉnh T;
- UBND xã Kỳ P, huyện K, tỉnh T;
- Chi cục THADS huyện K, tỉnh T;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Văn thư.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đặng Xuân Hoàng

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: "Số: 20/2018/QĐST-KDTM".

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn "văn bản ủy quyền ngày … tháng … năm….."

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại…… là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại ……..là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày….. tháng…. năm….).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)"